



jiā hài

加害

verb · to harm, to injure

Example Sentences

Tā cóng wèi xiǎng guò jiā hài bié rén

他从未想过加害别人。

He has never thought of harming others.

Yǒu rén shì tú jiā hài yú tā dàn bèi jí shí zǔ zhǐ le

有人试图加害于他，但被及时阻止了。

Someone tried to harm him, but was stopped in time.

Trace each character, then write the word on your own.

加	加	加	加	加	加	加	加				
害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害
害	害										